

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ÁN THI
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 6 năm 2025

V/v: tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÁN THI, TỈNH HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái.

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Huyền- Chuyên viên phòng thương binh và lao động xã hội huyện
- Ông Nguyễn Thanh Bình – Cán bộ nghỉ hưu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thu Lam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- **N đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1996

- **Bị đơn:** Anh Chu Văn Kh, sinh năm 1990

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Cháu Chu Khôi N, sinh ngày 21/12/2017

2. Cháu Chu Thảo N, sinh ngày 18/7/2019

Người đại diện của các cháu: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Chu Văn Kh (là bố mẹ đẻ của các cháu)

Cùng địa chỉ: VN, ĐL, AT, Hưng Yên

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Kh vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, N đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau: Chị T kết hôn với anh Chu Văn Kh trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Văn Nhuệ (nay là Ủy ban nhân dân xã Đa Lộc), huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 30/10/2017. Sau

khi kết hôn chúng chị về chung sống cùng với anh Kh tại nhà bố mẹ đẻ của anh Kh tại thôn Văn Nhuệ, xã Văn Nhuệ (nay là xã Đa Lộc), huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng sống chung với nhau có nhiều mâu thuẫn nhưng đến đầu năm 2024 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. N nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, cũng như trong việc làm ăn phát triển kinh tế và nuôi dạy, chăm sóc con cái. Cuộc sống gia đình ngột ngạt, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không có tiếng nói chung. Đến tháng 7 năm 2024 thì chị và anh Kh tuy vẫn ở chung nhà nhưng sống ly thân nhau, ăn ngủ riêng biệt không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mặc dù gia đình hai bên cũng có động viên, hòa giải và khuyên nhủ nhưng không thành. Đến nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chu Văn Kh.

Về con chung: Chị T và anh Kh có 02 con chung là cháu Chu Khôi N, sinh ngày: 21/12/2017 và cháu Chu Thảo N, sinh ngày: 18/07/2019. Khi ly hôn chị có nguyện vọng là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị T không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

Tại đơn các văn bản trình bày ý kiến của bị đơn anh Chu Văn Kh: Anh Kh, chị T kết hôn với nhau từ năm 2017 và thuê nhà sống ở Hà Nội cho đến nay. Hiện tại hai anh chị đã có chung 2 người con (một cháu sinh năm 2017 và một cháu sinh năm 2019). Từ khi cưới nhau cho đến đầu năm 2024, anh là lao động chính trong gia đình, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình anh là người lo, còn vợ anh đảm nhận việc ở nhà chăm con và làm công việc nhà. Nhìn chung hai vợ chồng đã sống rất hạnh phúc trong thời gian đó. Bản thân anh cảm nhận như vậy và gia đình, hàng xóm nơi hai vợ chồng đang sống cũng nhận xét như vậy. Từ đầu năm 2024 vợ anh bắt đầu đi làm trở lại vì các con đã đi học cũng như hai vợ chồng muốn có thêm thu nhập cho gia đình. Anh thấy vợ chồng có mâu thuẫn, quan điểm của anh Kh không muốn ly hôn vì những lý do sau: Thấy rằng vấn đề mâu thuẫn không phải là không thể hàn gắn được và chưa đến mức trầm trọng để phải ly hôn; Vợ chồng không ai ngoại tình, không ai bạo lực gia đình, không ai vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Con cái hai vợ chồng vẫn thay nhau chăm sóc. Hai vợ chồng chỉ thực sự sống ly thân từ đầu tháng 3/2025 đến nay; Dù bất đồng quan điểm nhưng bản thân anh thấy rằng mình vẫn còn nhiều tình cảm với chị T và mong muốn được hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Để các con có lại được một gia đình hạnh phúc có đủ cả bố và mẹ như các bạn khác. Còn chị T vẫn kiên quyết ly hôn anh không nín kẻo.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Chu Khôi N, sinh năm 2017 và cháu Chu Thảo N, sinh năm 2019. Anh Kh không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

Bà Phạm Thị Thắm (Mẹ đẻ của anh Kh) trình bày: Anh chị đi làm tự quen biết nhau sau đó có thời gian tìm hiểu, được gia đình tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết

hôn tại UBND xã Văn Nhuệ (nay là xã Đa Lộc) vào năm 2017. Sau khi cưới anh chị làm việc ở Hà Nội nên sinh sống tại Hà Nội. Quá trình chung sống thời gian đầu các cháu hạnh phúc, hai vợ chồng hòa thuận. Đến năm 2024 mới phát sinh mâu thuẫn, N nhân là do em trai của chị T về chung sống cùng anh chị, bố mẹ của chị T gửi tiền về thì hai chị em chị T tiêu pha nhiều, chị T nói là đi bán hàng nhưng bà thấy 11 giờ đêm mới về, vì vậy vợ chồng xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn, đầu năm 2025 chị T thuê nhà ra ở riêng, các con thì đi lại giữa hai bên, thời gian đó bà trông các con giúp anh chị, đến tháng 3/2025 bà mới về. Khi biết sự việc, bà có phân tích cho anh chị nhưng không nghe, nay chị T xin ly hôn thì việc anh chị có ở được với nhau hay không là tùy ở các cháu. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Chu Khôi N, sinh năm 2017 và cháu Chu Thảo N, sinh năm 2019. Về tài sản chung: Anh Kh, chị T không có. Do anh Kh đi làm ăn xa, các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho anh Kh bà đã gửi, thông báo lại cho anh Kh. Bà cho biết anh Kh có nói đã gửi các ý kiến về Tòa án, xác nhận các văn bản có tên anh Kh gửi về Tòa án là chữ ký, chữ viết của anh Kh.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Đa Lộc: Vợ chồng anh Kh, chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Nhuệ (nay là xã Đa Lộc) ngày 30/10/2017. Quá trình chung sống anh Kh, chị T có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được do anh Kh, chị T không sinh sống ở Văn Nhuệ. Anh Kh, chị T có 02 con chung là cháu Chu Khôi N, sinh năm 2017 và cháu Chu Thảo N, sinh năm 2019. Về tài sản chung: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 26/5/2025 bị đơn vắng mặt lần thứ 1 không có lý do. Căn cứ Điều 227 BLTTDS, HĐXX hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 13/6/2025 bị đơn vắng mặt, chị T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và thể hiện quan điểm vẫn giữ N yêu cầu khởi kiện. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt N đơn, bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên tòa phát biểu về tố tụng và nội dung vụ án:

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: N đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Điều 70, 71, 73 78 BLTTDS.

Bị đơn đã được Toà án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng vắng mặt không lý do, vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 BLTTDS.

+ **Về đường lối giải quyết:** Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí; Nghị quyết số 01 ngày 16/5/2024 về hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Đề nghị xử:

- Về tình trạng hôn nhân: Vợ chồng chị T có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị T cương quyết xin ly hôn, anh Kh cũng xác định không níu kéo. Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng anh Kh nhiều lần vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy cả chị T và anh Kh đều không còn thiết tha hàn gắn tình cảm, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Kh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy có đủ căn cứ để xử cho chị T ly hôn anh Kh.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Chu Khôi N sinh ngày 21/12/2017; cháu Chu Thảo N sinh ngày 18/7/2019. Đề nghị giao cháu Chu Khôi N cho anh Kh chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Thảo N cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, các bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

- Chị T phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: N đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T và bị đơn anh Chu Văn Kh đều có địa chỉ tại VN, ĐL, AT, Hưng Yên. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Thắm là mẹ đẻ của anh Kh để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh Kh nhưng anh Kh đều vắng mặt, có gửi các văn bản ý kiến về Tòa án. Do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Tại phiên tòa lần thứ hai chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh Kh vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh Kh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Nhuệ (nay là xã Đa Lộc) ngày 30/10/2017. Do đó quan hệ hôn nhân

giữa chị T, anh Kh là hợp pháp. Nay chị T có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Xét về yêu cầu xin ly hôn của N đơn thấy: Chị T xác định sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà ở Hà Nội sinh sống, làm ăn. Vợ chồng sống chung với nhau có nhiều mâu thuẫn nhưng đến đầu năm 2024 mâu thuẫn trầm trọng N nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, cũng như trong việc làm ăn phát triển kinh tế và nuôi dạy, chăm sóc con cái. Đến tháng 7 năm 2024 vợ chồng sống ly thân nhau, ăn ngủ riêng biệt không quan tâm đến cuộc sống của nhau, đến đầu năm 2025, anh Kh thuê nhà chỗ khác ở phù hợp với ý kiến của anh Kh xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ đầu năm 2024 do chị T thay đổi suy nghĩ, không tìm được tiếng nói chung, cách chi tiêu của chị T. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ anh Kh, chị T đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh Kh biết nhưng đều vắng mặt và có văn bản ý kiến gửi về Tòa án, anh Kh mong muốn đoàn tụ, tuy nhiên nếu chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì anh Kh không níu kéo. Và đến thời điểm này cả anh Kh, chị T cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân. Điều này chứng tỏ hôn nhân anh Kh, chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị T được ly hôn anh Kh là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T, anh Kh có 02 con chung là cháu Chu Khôi N, sinh ngày 21/12/2017 và cháu Chu Thảo N, sinh ngày 18/07/2019. Hiện cháu Khôi N, Thảo N đang ở với chị T. Đến nay chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Thảo N, còn để anh Kh nuôi dưỡng cháu Khôi N và không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Kh đề nghị Tòa không giải quyết. Nguyện vọng của chị T là chính đáng, thể hiện được tình cảm, trách nhiệm của người cha, người mẹ đối với con chưa thành niên, phù hợp với điều kiện kinh tế đều có công việc và thu nhập, hoàn cảnh của vợ chồng về chỗ ở đều đi thuê nhà, thời gian chăm sóc con cả hai đều đi làm. Mặc dù nguyện vọng của cháu Khôi N xin được ở với mẹ nhưng nhận thấy chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Thảo N vì cháu còn nhỏ lại là con gái, hơn nữa nếu giao cả hai con chung cho một bên vợ hoặc chồng nuôi dưỡng sẽ tạo gánh nặng trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung nên để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho các con chung, cần giao cháu Chu Thảo N cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Chu Khôi N cho anh Kh chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T, anh Kh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đôi bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị T, anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn anh Chu Văn Kh.

- Về con chung: Giao cháu Chu Khôi N, sinh ngày 21/12/2017 cho anh Chu Văn Kh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Giao cháu Chu Thảo N, sinh ngày 18/07/2019 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Kh, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Kh, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở..

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0001466 ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị T đã nộp đủ.

- Quyền kháng cáo: Chị T, anh Kh có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA- TAND tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ân Thi;
- Chi cục THADS huyện Ân Thi;
- UBND xã Đa Lộc, Ân Thi, Hưng Yên
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Ái